

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST
Ngày 29 tháng 07 năm 2022
“V/v tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Bà **Ngô Hồng Xuân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 07 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 03 năm 2022 về việc tranh chấp tiền hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1947

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Trước đây vào ngày 15/08/2019 âm lịch (nhằm ngày 13/9/2019 dương lịch) ông Trần Văn T có đứng ra làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, loại hụi tháng (mỗi tháng khai 01 lần) có 25 chung, trong đó bà Nguyễn Thị B tham gia 02 chung trong dây hụi này.

Đến kỳ hụi thứ 02 bà B bỏ hụi số tiền là 400.000 đồng và hốt được tổng số tiền hụi là 36.200.000 đồng, cụ thể như sau:

- Hụi chết 01 phần x 2.000.000 đồng = 2.000.000 đồng.
- Hụi sống 22 phần x 1.600.000 đồng = 35.200.000 đồng.
- Trừ tiền hoa hồng của chủ hụi: 1.000.000 đồng

Tổng cộng: (2.000.000 đồng + 35.200.000 đồng) – (1.000.000 đồng) = 36.200.000 đồng.

Đến kỳ hội thứ 06 bà B tiếp tục bỏ hội số tiền là 410.000 đồng và hốt được số tiền hội là 37.210.000 đồng, cụ thể như sau:

- Hội chết 04 phần x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.
- Hội sống 19 phần x 1.590.000 đồng = 30.210.000 đồng.
- Trừ tiền hoa hồng của chủ hội: 1.000.000 đồng

Tổng cộng: (8.000.000 đồng + 30.210.000 đồng) – (1.000.000 đồng) = 37.210.000 đồng.

Sau khi bà B hốt 02 chung hội trong dây hội nêu trên thì ông T đã giao đủ số tiền hội cho bà B nhận là 73.410.000 đồng (36.200.000 đồng + 37.210.000 đồng). Như vậy, 02 chung hội nêu trên sau khi bà B hốt hội thì bà B phải đóng lại cho ông T tổng số tiền hội chết là 82.000.000 đồng (hốt kỳ 2 thì đóng lại 22 lần hội chết và hốt kỳ 06 thì đóng lại 19 lần hội chết). Tuy nhiên sau khi hốt hội thì bà B chỉ đóng lại cho ông T được tổng số tiền hội chết cho 02 chung hội nêu trên là 53.500.000 đồng. Còn nợ lại 28.500.000 đồng tiền hội chết bà B không có đóng cho ông T. Dây hội nêu trên đã mãn vào ngày 15/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 21/9/2021 dương lịch). Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông T số tiền nợ hội là 28.500.000 đồng. Ngoài ra ông T không có yêu cầu gì khác.

Ngày 20/6/2022, ông Trần Văn T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho ông T số tiền nợ hội là 26.500.000 đồng. Lý do là bởi vì sao khi ông T khởi kiện bà B thì bà B có trả cho ông T số tiền nợ hội của dây hội nêu trên là 2.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà B thống nhất đối với lời trình bày của ông Trần Văn T về việc bà B có tham gia 02 chung hội trong dây hội tháng (mỗi tháng khai 01 lần), loại hội 2.000.000 đồng, hội có 25 chung, mở ngày 15/08/2019 âm lịch (nhằm ngày 13/9/2019 dương lịch) do ông T làm chủ hội. Bà B thừa nhận bà đã hốt cả 02 chung hội trong dây hội này vào kỳ thứ 2 và kỳ thứ 4 với tổng số tiền hội hốt được là 73.410.000 đồng và ông T đã giao đủ tiền hội cho bà. Sau khi hốt cả 02 chung hội thì bà B phải có trách nhiệm đóng lại hội chết cho ông T đối với dây hội này tổng số tiền là 82.000.000 đồng (hốt kỳ 2 thì đóng lại 22 lần hội chết và hốt kỳ 06 thì đóng lại 19 lần hội chết). Tuy nhiên bà B chỉ đóng lại được cho ông T tổng số tiền hội chết cho 02 chung hội nêu trên là 53.500.000 đồng. Còn nợ lại 28.500.000 đồng bà B không có đóng cho ông T. Bà B xác định sau khi ông T khởi kiện bà B ra Tòa án nhân dân huyện H thì bà B có trả cho ông T được số tiền nợ hội là 2.000.000 đồng cho dây hội nêu trên vào ngày 04/4/2022 nên hiện tại bà B chỉ còn nợ lại ông Trần Văn T số tiền nợ hội là 26.500.000 đồng. Nay bà B đồng ý tiếp tục trả cho ông T số tiền nợ hội còn lại là 26.500.000 đồng nhưng bà B xin được trả dần vì trả một lần thì bà B không có khả năng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho ông T số tiền nợ hui là 2.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền nợ hui là 26.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bà B còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông T số tiền nợ hui là 28.500.000 đồng. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã N, huyện H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà B căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Ngày 20/6/2022 nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó ông Trần Văn T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị B trả cho ông T số tiền nợ hui là 26.500.000 đồng. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông T là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với bà Nguyễn Thị B đối với số tiền nợ hui là 2.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của ông Trần Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả số tiền nợ hui là 26.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ

án bà Nguyễn Thị B thừa nhận bà có tham gia 02 chung hui trong dây hui tháng (hui mỗi tháng khui 01 lần) do ông Trần Văn T làm chủ hui, loại hui 2.000.000 đồng, hui có 25 chung, mở ngày 15/08/2019 âm lịch (nhằm ngày 13/9/2019 dương lịch) và bà B đã hốt cả 02 chung hui này. Đồng thời bà B cũng thừa nhận sau khi hốt hui thì bà B phải có trách nhiệm đóng lại cho ông T tổng số tiền nợ hui là 82.000.000 đồng cho dây hui nêu trên, tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại thì bà B chỉ đóng lại hui chết cho ông T được số tiền là 55.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền hui chết chưa đóng cho ông T là 26.500.000 đồng. Do đó việc ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ hui 26.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.325.000 đồng ($26.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.325.000 \text{ đồng}$).

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho ông Trần Văn T số tiền nợ hui là 2.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền nợ hui là 26.500.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.325.000 đồng (*Một triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 712.500 đồng theo biên lai thu số 0006216 ngày 24/03/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh